

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 09/2026
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 09/09/2026

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	28204455009	Lê Lan Anh	23/09/2003	Đà Nẵng	31SBN8	5.3	V	Không Đạt	
2	28206251968	Nguyễn Phạm Việt Anh	13/11/2004	Quảng Trị	32CHT5	8.0	6.3	Đạt	
3	30208036001	Nguyễn Thị Vân Anh	23/12/2006	Đà Nẵng	32TYC4	4.7	5.0	Không Đạt	
4	29206547638	Bùi Kim Ánh	22/11/2005	Quảng Nam	32TBN7	10.0	5.5	Đạt	
5	30212754176	Nguyễn Như Vũ Bảo	19/01/2006	Quảng Trị	32THT6	7.0	6.5	Đạt	
6	28212300678	Nguyễn Quốc Bảo	10/10/2004	Quảng Ngãi	32TBN7	7.3	6.0	Đạt	
7	28212100198	Phạm Ngọc Chương	21/06/2004	Quảng Ngãi	32CHT5	7.0	5.5	Đạt	
8	27215453336	Phạm Trương Thành Danh	21/02/2003	Gia Lai	32TBN7	4.7	4.0	Không Đạt	
9	29218153771	Trần Thanh Đạt	24/05/2005	Quảng Nam	32TBN7	7.3	7.0	Đạt	
10	29212251115	Ngô Vạn Đức	30/11/2005	Đà Nẵng	32CSC4	8.3	5.5	Đạt	
11	29212338519	Trịnh Văn Đức	29/05/2005	Quảng Nam	32CHT5	9.3	6.3	Đạt	
12	29212243441	Võ Đông Dũng	18/03/2004	Đà Nẵng	32CSC4	8.7	8.5	Đạt	
13	29212256589	Trương Phan Duy	21/11/2005	Phú Yên	32CSC4	8.7	5.8	Đạt	
14	30209349918	Phan Lê Hồng Duyên	12/10/2006	Đà Nẵng	32CSC4	5.7	5.0	Đạt	
15	30205150456	Nguyễn Thị Cẩm Giang	12/10/2005	Quảng Ngãi	32TBN7	8.7	6.5	Đạt	
16	29206558609	Trương Thị Thanh Hà	01/10/2005	Quảng Nam	32CHT5	10.0	7.0	Đạt	
17	28205204051	Huỳnh Ngọc Gia Hân	28/06/2004	Khánh Hòa	32CSC4	4.3	4.0	Không Đạt	
18	28216202219	Trần Chí Hào	09/10/2004	Đắk Nông	32CHT5	6.7	6.5	Đạt	
19	28212347202	Phạm Văn Hậu	08/08/2004	Đắk Nông	32CHT5	5.0	6.3	Đạt	
20	29211136954	Lê Thanh Hiếu	13/09/2005	Đà Nẵng	32CSC4	6.0	4.5	Không Đạt	
21	28202702979	Trương Thị Diệu Hoa	08/08/2004	Đà Nẵng	32CHT5	8.0	6.0	Đạt	
22	28206500648	Trịnh Thị Quý Hoài	03/01/2004	Quảng Nam	32TBN7	5.7	5.5	Đạt	
23	29206562208	Lê Thị Kim Hoàng	04/07/2005	Quảng Nam	32TBN7	8.7	7.8	Đạt	
24	28205134887	Lê Trịnh Kim Hoanh	30/10/2004	Quảng Ngãi	32CHT5	4.0	5.0	Không Đạt	
25	28210241709	Trần Minh Hy	16/11/2004	Quảng Nam	32TBN7	6.3	7.0	Đạt	
26	27212146716	Đặng Văn Khoa	17/02/2003	Kon Tum	32CSC4	4.3	3.5	Không Đạt	
27	28215149245	Nguyễn Đắc Anh Khoa	20/06/1999	Đà Nẵng	32TBN7	V	V	Không Đạt	
28	29212241630	Phan Thanh Lâm	24/12/2004	Quảng Bình	32CSC4	8.0	9.8	Đạt	
29	26214300375	Nguyễn Bảo Liêm	06/06/2001	Đà Nẵng	32CSC4	8.7	5.3	Đạt	
30	30206550224	Phạm Thị Khánh Linh	12/03/2006	Quảng Trị	32TBN6	9.0	8.0	Đạt	
31	29212364094	Hoàng Thế Mạnh	15/06/2005	Nghệ An	32CHT5	7.3	3.5	Không Đạt	
32	062085000123	Nguyễn Hữu Minh	10/06/1985	Quảng Ngãi	32TBN7	6.0	5.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	31210253054	Phạm Chí Minh	07/11/2006	Đà Nẵng	32TYC4	7.0	5.0	Đạt	
34	30206554643	Nguyễn Nữ Tố Nga	08/11/2006	Quảng Bình	32SBN3	6.7	6.3	Đạt	
35	29207160272	Nguyễn Thu Ngân	14/08/2005	Bình Định	32TBN7	7.7	6.5	Đạt	
36	30206753926	Thị Thị Bảo Ngân	21/05/2006	Quảng Nam	32CBN4	9.0	5.5	Đạt	
37	28214632280	Đình Quốc Ngọc	31/07/2004	Đà Nẵng	32CHT5	8.7	4.0	Không Đạt	
38	29212326219	Nguyễn Đăng Nguyên	22/09/2005	Quảng Trị	32CHT5	8.7	6.8	Đạt	
39	27212424015	Nguyễn Đức Nguyên	30/10/2003	Quảng Trị	32CHT5	6.0	2.8	Không Đạt	
40	28216204166	Trần Hữu Nguyên	05/09/2004	Đà Nẵng	32CHT5	7.3	7.5	Đạt	
41	30207162356	Đặng Nguyễn Hoàn Nhật	10/06/2006	Phú Yên	32CSC4	6.7	5.0	Đạt	
42	28212252266	Phạm Minh Nhật	27/12/2004	Thừa Thiên H	32CHT5	7.3	5.0	Đạt	
43	28202900115	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	12/01/2003	Bến Tre	32CSC4	7.3	6.3	Đạt	
44	29207150572	Phan Quỳnh Như	15/07/2005	Gia Lai	31TBN10	5.3	2.8	Không Đạt	
45	28215033221	Hoàng Hữu Đức Nin	26/06/2004	Quảng Trị	32CSC4	6.7	2.0	Không Đạt	
46	28212601449	Nguyễn Quốc Phong	09/07/2004	Đà Nẵng	32CHT5	7.0	5.3	Đạt	
47	28212654773	Nguyễn Văn Phong	20/05/2004	Quảng Ngãi	32CHT5	6.0	5.0	Đạt	
48	29206258138	Lê Khánh Quyên	04/09/2005	Đà Nẵng	32CSC4	5.0	6.0	Đạt	
49	26214328999	Nguyễn Võ Sỹ	30/07/2002	Đà Nẵng	32CSC4	6.0	8.0	Đạt	
50	26211235902	Lê Đức Thành	31/08/2002	Quảng Bình	32TBN7	9.0	7.5	Đạt	
51	29212322369	Nguyễn Cao Minh Thành	08/12/2005	Quảng Nam	32CHT5	9.3	7.0	Đạt	
52	29218050157	Bùi Thị Phương Thảo	16/09/2005	Quảng Nam	32TBN7	9.0	7.5	Đạt	
53	28206600758	Đặng Vi Thảo	27/02/2004	Hồ Chí Minh	32TBN7	V	V	Không Đạt	
54	29207129715	Lê Phương Thảo	29/05/2005	Phú Yên	32TBN7	8.3	7.3	Đạt	
55	29208055427	Nguyễn Thị Thảo	14/10/2005	Quảng Nam	32TBN7	9.3	7.5	Đạt	
56	29206544335	Phạm Thị Thêm	02/07/2005	Quảng Bình	32THT6	6.3	5.3	Đạt	
57	30218026607	Nguyễn Ngọc Thiệu	04/09/2005	Quảng Ngãi	32CSC4	9.7	9.0	Đạt	
58	29208157363	Ngô Hoài Thu	30/04/2005	Quảng Nam	32CSC4	4.0	4.0	Không Đạt	
59	29208258174	Đặng Thị Minh Thư	28/05/2005	Quảng Nam	32CSC4	6.0	6.0	Đạt	
60	29207160392	Võ Nguyễn Ngân Thùy	21/09/2005	Bình Định	32TBN7	8.0	6.5	Đạt	
61	29207123427	Nguyễn Hoa Tóc Tiên	30/07/2005	Quảng Ngãi	32TBN7	8.0	7.3	Đạt	
62	28217354024	Nguyễn Lê Phước Tiến	04/08/2004	Tây Ninh	32SHT4	10.0	7.0	Đạt	
63	28212300385	Trần Đức Tính	24/10/2004	Bình Định	32TBN7	6.3	6.5	Đạt	
64	0856544801	Lê Thảo Trâm	15/10/2003	Đà Nẵng	32CSC4	V	V	Không Đạt	
65	29207130161	Hồ Ngọc Huyền Trân	06/08/2005	Bình Định	32TBN7	4.7	2.0	Không Đạt	
66	29204764382	Lê Nguyễn Bảo Trân	04/10/2005	Đà Nẵng	32TBN7	9.3	6.5	Đạt	
67	29207160439	Cù Phan Thị Thùy Trang	07/02/2005	Đắk Lắk	32TBN7	6.3	5.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	29207160440	Đồng Huyền	Trang	08/06/2005	Bình Định	31TBN10	6.0	6.0	Đạt	
69	29206523128	Trương Thị Thảo	Trang	28/07/2005	Quảng Nam	32TBN7	9.3	8.5	Đạt	
70	29204764172	Bạch Thị Thu	Triệu	02/10/2005	Quảng Ngãi	32TBN7	9.3	7.5	Đạt	
71	30204653436	Đoàn Thị Kiều	Trinh	25/06/2006	Quảng Bình	32CSC4	6.0	6.0	Đạt	
72	29206546287	Lê Thị	Trinh	23/01/2005	Quảng Nam	32TBN7	8.0	5.3	Đạt	
73	29206534378	Mai Thị Ngân	Trinh	05/05/2005	Quảng Nam	32CHT5	10.0	9.3	Đạt	
74	28201153429	Nguyễn Kiều	Trinh	16/06/2004	Hà Tĩnh	32CHT5	5.3	6.5	Đạt	
75	29208062798	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	01/05/2005	Quảng Nam	32TBN7	9.7	5.5	Đạt	
76	29207160216	Phạm Minh	Trúc	04/01/2005	Quảng Nam	32TBN7	6.0	6.0	Đạt	
77	29207160217	Trần Thị Hương	Trúc	30/09/2005	Phú Yên	32TBN7	4.7	5.0	Không Đạt	
78	28212341542	Nguyễn Phước	Tuấn	19/07/2004	Quảng Nam	32TBN6	8.0	7.0	Đạt	
79	30207136897	Lê Tú	Uyên	23/10/2006	Kon Tum	32CSC4	5.3	6.3	Đạt	
80	24207214504	Nguyễn Thị Thanh	Uyên	07/09/2000	Đà Nẵng	32TBN7	8.7	9.0	Đạt	
81	31206669358	Nguyễn Võ Khánh	Vân	07/02/2007	Đà Nẵng	32CHT5	5.0	6.8	Đạt	
82	29212355091	Đặng Khải	Viên	09/07/2005	Đà Nẵng	32CHT5	6.3	9.3	Đạt	
83	28214801746	Hồ Long	Vũ	08/09/2004	Quảng Trị	32CSC4	4.0	1.5	Không Đạt	
84	29212556396	Lê Nguyễn Anh	Vương	07/03/2005	Quảng Nam	32TBN7	8.0	9.5	Đạt	
85	28208004796	Đinh Thị Kiều	Vy	11/09/2004	Quảng Nam	32CSC4	9.0	3.3	Không Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh